TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VIỆT YÊN
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập –Tự do – Hạnh phúc

B¶n ¸n sè: 06/2023/HNG§-ST
Ngµy 11-01-2023
V/v "Tranh chấp
Ly hôn và con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Vân

**Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Lương Thanh Văn
2. Bà Nguyễn Thị Lại

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Duy Tuyên- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Việt Yên.

- Đại diện VKSND huyện Việt Yên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Mai- Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 01 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 299/2022/TLST-HNGĐ ngày 18/10/2022 về "Tranh chấp ly hôn và con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 65/2022/QĐST-HNGĐ ngày 27/12/2022 giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:*** *Chị Dương Thị H, sinh năm 1990 (có mặt)*

Nơi ĐKHKTT: Thôn Vân Cốc 2, xã Vân Trung, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

Hiện ở: Thôn Nguộn, xã Thượng Lan, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

**** Bị đơn:*** *Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1989 (vắng mặt)*

Nơi cư trú: Thôn Vân Cốc 2, xã Vân Trung, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Tại đơn xin ly hôn ngày 07/9/2022, bản tự khai và biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải nguyên đơn chị Dương Thị H trình bày:*

Chị và anh Nguyễn Văn L kết hôn ngày 16/01/2012, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Vân Trung, huyện Việt Yên. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống với nhau tại thôn Vân Cố 2, xã Vân Trung. Vợ chồng về chung sống ngay từ đầu đã không hạnh phúc. Từ năm 2017 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, không hợp nhau, không còn tình cảm, anh L có đánh chị. Mâu thuẫn vợ chồng gia đình hai bên đều biết

và khuyên giải nhưng anh L vẫn không chịu cải sửa. Từ tháng 4/2018 chị có về nhà bố mẹ đẻ 05 tháng sau đó anh L lên xin lỗi đón chị về nên chị lại về ở với anh L. Về ở với nhau anh L vẫn không chịu làm ăn, chị khuyên bảo không được nên tháng 9/2022 chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở thôn Nguộn sinh sống, hai vợ chồng ly thân nhau từ đó cho đến nay, không còn quan tâm chăm sóc gì đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin ly hôn anh L.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là Nguyễn Huyền Trang, sinh ngày 18/8/2012. Hiện con chung đang ở với anh L do anh L không cho chị đón con. Ly hôn chị nhận nuôi dưỡng con chung và chị không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung cho chị. Hiện chị đang Công ty may ở Vân Trung, có thu nhập trung bình một tháng khoảng 14.000.000 đồng, chị về bố mẹ đẻ có chỗ ăn ở đảm bảo điều kiện về thời gian, kinh tế, nơi ăn ở cho cháu Trang học hành phát triển bình thường, khi chị đi làm có bố mẹ chị chăm sóc cháu Trang giúp chị.

- Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Vợ chồng chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà, chị Dương Thị H có mặt vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

** Đối với anh Nguyễn Văn L là bị đơn trong vụ án tại biên bản lấy lời khai có trình bày:*

Anh và chị Dương Thị H kết hôn ngày 16/01/2012, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Vân Trung, huyện Việt Yên. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống với nhau tại thôn Vân Cốc 2, xã Vân Trung. Vợ chồng về chung sống ban đầu hạnh phúc. Từ năm 2016 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, anh có tát chị H mấy cái. Sau đó vợ anh về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng ly thân nhau 01 tuần, sau đó anh lại lên đón chị H về cùng sinh sống bình thường. Mâu thuẫn vợ chồng gia đình hai bên đều biết và khuyên giải, vợ chồng lại bình thường. Từ tháng 9/2022, vợ chồng mâu thuẫn nhau do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, sau đó anh có uống rượu, về vợ chồng nói nhau, anh có tát chị H một cái nên chị H đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn Nguộn, xã Thượng Lan sinh sống, hai vợ chồng hiện nay đã ly thân nhau. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, nên chị H có đơn xin ly hôn thì anh không đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng anh có 01 con chung là Nguyễn Huyền Trang, sinh ngày 18/8/2012. Hiện con chung đang ở với anh, lý do anh không cho chị H đón con vì anh khuyên bảo chị H về nhưng chị H không về nên anh không cho chị H đón con. Ly hôn anh nhận nuôi dưỡng con chung và anh không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung cho anh. Hiện anh đang làm tự do lái xe tắcxi thu nhập trung bình một tháng khoảng 10.000.000 đồng, thời gian không

ổn định, hôm về sớm, hôm về muộn, anh có chỗ ăn ở cho cháu Trang học hành, phát triển bình thường.

- Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Vợ chồng anh tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay anh Nguyễn Văn L vắng mặt.

* Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử là đảm bảo theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn chị H chấp hành đúng các quy định của pháp luật, bị đơn anh L không chấp hành đúng quy định của pháp luật. Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về nội dung vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân gia đình. Điều 28; 35; 39; khoản 3 Điều 144; Điều 147; Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị Dương Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Văn L.

+ Giao con chung (cháu Nguyễn Huyền Trang, sinh ngày 18/8/2012) cho chị H chăm sóc, anh L được quyền thăm nuôi con chung sau ly hôn.

+ Chị Dương Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Việt Yên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình giữa chị H và anh L thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh L có nơi cư trú: Thôn vân Cốc 2, xã Vân Trung, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang nên Tòa án nhân dân huyện Việt Yên thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Văn L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh L.

[3] Đối với yêu cầu xin ly hôn và giải quyết con chung của nguyên đơn chị Dương Thị H. Hội đồng xét xử thấy:

* Về quan hệ hôn nhân: Giữa chị H và anh L xác lập quan hệ hôn nhân là tự nguyện, hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và

gia đình, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Vân Trung, huyện Việt Yên làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng là hôn nhân hợp pháp. Hội đồng xét xử xét thấy, chị H và anh L có một thời gian chung sống hạnh phúc thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung. Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai của chị H, chị xác định mâu thuẫn của hai vợ chồng gia đình hai bên đều biết và can thiệp hòa giải nhưng vợ chồng vẫn không cải thiện. Hai vợ chồng chị không còn quan tâm chăm sóc gì cho nhau. Tại biên bản lấy lời khai anh L có trình bày vợ chồng có mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nhưng Tòa án tiến hành giao các văn bản tố tụng cho anh L, thông báo hòa giải anh L cũng không đến để Tòa án hòa giải về tình cảm vợ chồng.

Tại biên bản làm việc với chính quyền địa phương cũng xác định vợ chồng chị H, anh L có xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống hàng ngày, chị H đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Xét mâu thuẫn giữa chị H, anh L đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

* Về con chung: Chị H, anh L đều xác định vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Huyền Trang, sinh ngày 18/8/2012. Ly hôn chị H nhận nuôi dưỡng con chung cháu Trang và chị không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị. Hiện chị đang Công ty may ở Vân Trung, có thu nhập trung bình một tháng khoảng 14.000.000 đồng, chị về bố mẹ đẻ có chỗ ăn ở đảm bảo điều kiện về thời gian, kinh tế, nơi ăn ở cho cháu Trang học hành phát triển bình thường. Anh L tại biên bản lấy lời khai có trình bày ly hôn anh nhận nuôi dưỡng con chung và anh không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung cho anh. Hiện anh đang làm tự do lái xe tắcxi thu nhập trung bình một tháng khoảng 10.000.000 đồng, thời gian không ổn định, hôm về sớm, hôm về muộn, anh có chỗ ăn ở cho cháu Trang học hành, phát triển bình thường.

Tại bản tự khai của cháu Trang có nguyện vọng xin được ở với mẹ. Xét thấy chị H, anh L đều có thu nhập, đủ điều kiện chăm sóc và nuôi dưỡng chung nhưng xét về điều kiện thì thấy chị H làm công ty có thu nhập ổn định hơn, thời gian đảm bảo hơn, cháu Trang là con gái có nguyện vọng ở với mẹ. Như vậy, Hội đồng xét xử thấy cần giao cho chị H nuôi dưỡng con chung là cháu Trang là phù hợp với Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình và đảm bảo sự phát triển về mọi mặt của cháu Trang. Sau khi ly hôn, anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

* Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị H không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

* Về tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung của vợ chồng về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Chị H, anh L xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, khoản 1 điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Điều 28; Điều 35; khoản 3 Điều 144; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Dương Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn L.

2. Về con chung: Giao cho chị Dương Thị H nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Huyền Trang, sinh ngày 18/8/2012. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Sau khi ly hôn, anh Nguyễn Văn L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở anh L thực hiện quyền, nghĩa vụ này.

3. Án phí: Chị Dương Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp là 300.000 đồng đã nộp tại biên lai thu số 0006573 ngày 18/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Việt Yên. Xác nhận chị Dương Thị H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Việt Yên;
- Chi cục THADS Việt Yên;
- UBND xã Vân Trung;
- Các đương sự;
- Lưu hs.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Vân